

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/DS-ST.

Ngày: 09-5-2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hoài Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Vũ Bằng

Ông Huỳnh Văn Màu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thanh Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Từ ngày 09 tháng 4 năm 2019 đến ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị S sinh năm 1957, cư trú tại Khóm A, phường B, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh; có mặt

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thu T sinh năm 1982, cư trú tại khóm C, phường B, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Huỳnh Thị S trình bày:* Do giữa bà S và chị Trần Thị Thu T có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 14-01-2018 giữa bà S và chị T có giao dịch dân sự cụ thể bà S có chị T vay số tiền 57.800.000 đồng, mức lãi suất 1,5%/tháng, việc vay tiền này có làm biên nhận và chị T ghi rõ trong biên nhận việc vay tiền cũng như địa chỉ của chị T là ở khóm C, phường B, thị xã DH, tuy nhiên mức lãi suất không ghi trong biên nhận chỉ thỏa thuận miệng giữa bà S với chị T. Chị T đóng lãi cho bà S đến ngày 01-3-2018 thì không

đóng lãi cũng như trả tiền gốc cho bà S. Bà S nhiều lần yêu cầu nhưng chị Trang không đóng lãi và trả tiền vốn gốc. Nay bà S làm đơn yêu cầu chị T phải trả vốn gốc và khoản tiền lãi từ ngày 01-3-2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,125%/tháng đối số tiền nợ gốc. Tại phiên tòa bà S thay đổi nội dung khởi kiện về việc tính lãi và thời gian tính lãi, cụ thể: thời gian tính lãi được tính từ ngày thụ lý vụ án đến ngày xét xử (từ ngày 02-01-2019 đến ngày 09-5-2019) và mức lãi suất theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Phía bị đơn chị Trần Thị Thu T kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án tiến hành tổng đạt cho chị T nhưng chị T không có mặt tại địa chỉ khóm C, phường B, thị xã DH, gia đình chị T cho biết trước đây chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ này, nhưng sau đó do làm ăn thua lỗ chị T đã bỏ nhà đi Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn và không còn liên lạc với gia đình, gia đình hiện tại cũng không biết chị T ở đâu.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục (nhưng chưa đầy đủ), quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện Kiểm Sát nghiên cứu đúng thời hạn; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và thư ký tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với bị đơn thực hiện chưa đúng quy định dù được Tòa án triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại các phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án:

Bà Huỳnh Thị S yêu cầu chị Trần Thị Thu T trả khoản nợ vay với số tiền 57.800.000 đồng và tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và thời gian tính lãi được tính từ ngày thụ lý vụ án đến ngày xét xử (từ ngày 02-01-2019 đến ngày 09-5-2019) trên cơ sở bà S đưa ra biên nhận đề ngày 14-01-2018 là có căn cứ chấp nhận, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T trả cho bà S số nợ gốc 57.800.000 đồng, tiền lãi 10%/năm tương ứng 0,83%/tháng, thời gian tính lãi là 04 tháng 08 ngày = $0,83\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} \times 57.800.000 \text{ đồng} = 2.047.000 \text{ đồng}$, tổng cộng nợ gốc và lãi chị T trả cho bà S bằng 59.847.000 đồng, ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét việc Bà Huỳnh Thị S tại phiên tòa sơ thẩm thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị T trả nợ

gốc và tính lãi trên nợ gốc và thời gian tính lãi được tính từ ngày thụ lý vụ án đến ngày xét xử (từ ngày 02-01-2019 đến ngày 09-5-2019) và mức lãi suất theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, việc thay đổi này của bà S là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận thay đổi này của bà S.

Về kiến nghị: Việc Tòa cấp sơ thẩm không yêu cầu nguyên đơn giám định chữ ký cũng như Tòa án không giám định chữ ký của chị T trong biên nhận nợ là chưa đảm bảo theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy đơn khởi kiện của Bà Huỳnh Thị S yêu cầu chị Trần Thị Thu T thanh toán khoản nợ vay với số tiền 57.800.000 đồng và khoản tiền lãi được tính theo lãi suất 1,125% trên số nợ gốc và tính từ ngày 01-3-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Xét việc chị Trần Thị Thu T trước đây vào ngày 14-01-2018 có thiết lập biên nhận với Bà Huỳnh Thị S về việc vay khoản tiền 57.800.000 đồng trong biên nhận này có ghi rõ địa chỉ chị T là ở khóm C, phường B, thị xã DH, Công an phường B, thị xã DH cũng xác nhận tại thời điểm chị T làm biên nhận vay tiền thì chị T đăng ký thường trú tại địa chỉ trên, sau đó chị T đi nơi khác làm ăn mà không báo cho bà S được biết theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án “*trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”*”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”, do đó Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét việc Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn chị Trần Thị Thu T vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

[4] Xét việc Bà Huỳnh Thị S khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Thu T phải trả cho bà S số tiền nợ gốc 57.800.000 đồng và khoản tiền lãi tính từ ngày 01-3-2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,125%/tháng, tại phiên tòa sơ thẩm bà S thay

đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị T trả nợ gốc và tính lãi trên nợ gốc và thời gian tính lãi được tính từ ngày thụ lý vụ án đến ngày xét xử (từ ngày 02-01-2019 đến ngày 09-5-2019) và mức lãi suất theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, việc thay đổi này của bà S là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận sự thay đổi này của bà S

[5] Đối khoản nợ bà S yêu cầu chị T phải trả cho bà S là 57.800.000 đồng và khoản tiền lãi tính từ ngày thụ lý vụ án đến ngày xét xử (ngày 02-01-2019 đến ngày 09-5-2019) và mức lãi suất theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là có căn cứ, bởi lẽ cơ sở mà bà S yêu cầu chị T trả khoản tiền này là biên nhận đề ngày 14-01-2018, nội dung biên nhận là chị Trần Thị Thu T nợ Bà Huỳnh Thị S về việc vay khoản tiền 57.800.000 đồng và theo biên nhận này thì bà S và chị T không ghi nhận mức lãi suất đối khoản tiền vay 57.800.000 đồng, bà S cho rằng mức lãi suất trước đây thỏa thuận miệng giữa bà S và chị T là mức lãi suất 1,5%/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bà S chỉ yêu cầu tính lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và thời gian tính lãi từ ngày 02-01-2019 đến ngày 09-5-2019 là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử chấp thuận mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm tương ứng 0,83%/tháng để tính khoản lãi mà chị T có nghĩa vụ trả cho bà S, thời gian tính lãi 04 tháng 08 ngày, số tiền lãi bằng: $0,83\%/tháng \times 04 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} \times 57.800.000 \text{ đồng} = 2.047.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng nợ gốc và lãi chị T phải trả cho bà S bằng số tiền 59.847.000 đồng.

Xét kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã DH, Hội đồng xét xử thấy trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án cũng ra quyết định yêu cầu chị T cung cấp các chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của bà S về khoản nợ mà chị T nợ bà S nhưng chị T không cung cấp, do đó chị T đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra các chứng cứ được quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hơn nữa chị T đều vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử nên không thể giám định chữ viết của chị T nên Tòa án có thu thập các chứng cứ để chứng minh chữ ký trong biên nhận nợ là của chị T cũng như chị T có nợ bà S số tiền nói trên. Việc Tòa án thu thập các chứng cứ đều tuân thủ theo quy định của Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ để giải quyết vụ án là có căn cứ đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 466, 468, 469 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Huỳnh Thị S

Buộc chị Trần Thị Thu T trả cho bà S số nợ gốc 57.800.000 đồng và khoản tiền lãi tính từ 02-01-2019 đến ngày 09-5-2019 theo mức lãi suất 0,83%/tháng bằng 2.047.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi chị T phải trả cho bà S bằng số tiền 59.847.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thu T phải chịu 2.992.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Bà Huỳnh Thị S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã DH;
- CCTHADS thị xã DH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hoài Quốc

